



GIÁ TRỊ BIỂU CẢM CỦA TỪ NGỮ TRONG DIỄN NGÔN BÁO CHÍ VIẾT VỀ NỮ GIỚI TRÊN BÁO *PHỤ NỮ VIỆT NAM*

Trần Thị Huyền Gấm¹, Đỗ Thị Xuân Dung²

¹Trường Đại học khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, tp. Huế, Việt Nam

²Đại học Huế, 3 Lê Lợi, tp. Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: **Trần Thị Huyền Gấm** < huyengamp@gmail.com >

(Ngày nhận bài: 22-03-2023; Ngày chấp nhận đăng: 12-03-2024)

Tóm tắt. Từ ngữ là một trong số các thành tố cơ bản cấu thành diễn ngôn. Giá trị biểu cảm của từ ngữ biểu thị thái độ đánh giá của người tạo lập diễn ngôn đối với đối tượng được nói đến, được xem là nền tảng quan trọng biểu thị và xây dựng mối quan hệ liên nhân trong diễn ngôn. Là một phương tiện truyền thông đại chúng, các diễn ngôn báo chí viết về nữ giới phản ánh quan điểm, tư tưởng của xã hội về phụ nữ và các khía cạnh liên quan như nữ quyền, bình đẳng giới. Dựa trên lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của Phân tích diễn ngôn phê phán, bài báo này phân tích các yếu tố từ vựng mang giá trị biểu cảm trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới nhằm truyền tải thông điệp của chủ thể tạo lập diễn ngôn đối với các vấn đề đáng quan tâm hiện nay, dựa trên nguồn ngữ liệu báo “Phụ nữ Việt Nam” năm 2021. Kết quả nghiên cứu chỉ ra bốn nhóm từ ngữ mang giá trị biểu cảm và những sắc thái đánh giá của chúng, qua đó cho thấy thái độ, tư tưởng của nhà báo đối với nhân vật nữ hay các vấn đề liên quan đến phụ nữ. Bài báo cũng chỉ ra hiệu quả của việc sử dụng yếu tố biểu cảm của từ ngữ trong diễn ngôn và những đề xuất cần thiết đối với người viết báo và người dạy – học ngôn ngữ.

Từ khoá: giá trị biểu cảm, từ ngữ, diễn ngôn, báo chí, phụ nữ.

EXPRESSIVE VALUE OF WORDS IN JOURNALISTIC DISCOURSE WRITTEN ABOUT WOMEN – THE CASE OF VIETNAM WOMEN'S NEWSPAPER

Tran Thi Huyen Gam¹, Do Thi Xuan Dung²

¹ University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue City, Vietnam

² Hue University, 3 Le Loi, Hue City, Vietnam

* Correspondence to **Tran Thi Huyen Gam** < huyengamp@gmail.com >

(Received: March 22, 2023; Accepted: March 12, 2024)

Abstract. Words are one of the essential elements of discourse. The expressive value of words represents the evaluative attitude of the discourse creator towards the object being talked about and is considered an essential foundation for expressing and building interpersonal relationships in discourse. As a mass media, journalistic discourses about women reflect society's views and ideas about women and related aspects such as feminism and gender equality. Based on Critical Discourse Analysis's theory and research methods, this article analyzes lexical elements with expressive value in journalistic discourses written about women in Vietnamese Women Newspaper in 2021. Research results show four groups of words with expressive value and their evaluative meanings, thereby showing the attitudes and thoughts of journalists towards women as subjects of news. The article also points out the effectiveness of using expressive elements of words in discourse and offers suggestions for newspaper writers, language teachers, and learners.

Keywords: expressive value, words, discourse, journalism, women.

1. Mở đầu

Phương tiện truyền thông đại chúng nói chung và báo chí nói riêng với tư cách là một thiết chế xã hội giữ vai trò quan trọng trong đời sống: cung cấp thông tin, tác động, định hướng dư luận và góp phần định hình các giá trị xã hội. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào nữ quyền, phụ nữ là một trong những chủ đề được báo giới quan tâm. Báo chí đã và đang góp phần khẳng định, nâng cao vai trò, vị trí của phụ nữ trong đời sống xã hội hiện đại. Các diễn ngôn báo chí về nữ giới phản ánh quan điểm, tư tưởng, nhận thức của xã hội về phụ nữ và các khía cạnh liên quan như nữ quyền, bình đẳng giới. Báo Phụ nữ Việt Nam là cơ quan truyền thông của Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, là kênh phát ngôn các quan điểm, chính sách về phụ nữ, bình đẳng giới của Nhà nước, chính quyền.

Diễn ngôn là đối tượng nghiên cứu trọng tâm của ngôn ngữ học hiện đại, khi ngôn ngữ học chuyển mình từ chủ nghĩa cấu trúc luận sang chủ nghĩa chức năng. Các yếu tố ngôn ngữ cấu thành diễn ngôn mang giá trị kinh nghiệm, giá trị liên nhân, giá trị biểu cảm (Fairclough 1989; Halliday 2014; van Dijk 1993). Trong đó, giá trị biểu cảm của từ ngữ là được xem là nền tảng quan trọng biểu thị và xây dựng mối quan hệ liên nhân trong diễn ngôn (Fairclough 1989). Nghiên cứu giá trị biểu cảm của từ ngữ trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo Phụ nữ Việt Nam có ý nghĩa làm sáng tỏ quan điểm, thái độ và cách đánh giá của nhà báo, của một cơ quan truyền thông chính thống về nữ giới và các vấn đề liên quan đến nữ giới trong xã hội. Mục đích của bài báo này là phân tích các biểu hiện của từ ngữ mang giá trị biểu cảm trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới để truyền tải thông điệp của chủ thể tạo lập diễn ngôn đối với các vấn đề đáng quan tâm hiện nay, trên nguồn ngữ liệu báo *Phụ nữ Việt Nam* năm 2021. Kết quả nghiên cứu của bài báo trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: Yếu tố từ ngữ nào trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo *Phụ nữ Việt Nam* năm 2021 mang giá trị biểu cảm và giá trị biểu cảm đó là gì?

2. Cơ sở lí luận và lịch sử vấn đề nghiên cứu

2.1. Nghĩa của từ và các thành phần ý nghĩa trong từ

Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ. Nghĩa của từ là một trong những vấn đề trọng tâm cơ bản của ngôn ngữ học nói chung và ngữ nghĩa học nói riêng. Trong lịch sử ngôn ngữ học, vấn đề nghĩa của từ đã được nghiên cứu theo nhiều quan điểm, trường phái khác nhau. Có nhiều quan niệm về nghĩa của từ như “Nghĩa của từ là một thực thể tinh thần có quan hệ ổn định với hình thức của từ” [8, Tr. 195]; “Nghĩa của từ là sự phản ánh hiển nhiên của sự vật, hiện tượng hay quan hệ trong ý thức (hay sự cấu tạo tâm lí tương tự về tính chất, hình thành trên sự phản ánh những yếu tố riêng rẽ của thực tế) nằm trong cấu trúc của từ với tư cách là mặt bên trong của từ và so với nghĩa thì ngữ âm của từ hiện ra như vỏ vật chất cần thiết không phải chỉ để biểu thị và trao đổi nghĩa đó với những người khác mà còn cần thiết cho sự nảy sinh, hình thành, tồn tại và phát triển của nghĩa” [9, Tr. 123]; Nghĩa của từ là một hiện tượng tâm lí, có tính chất trừu tượng, chủ quan [9, Tr. 124]; “Nghĩa của từ, mặt quan trọng mà ta đang nói đến có chức năng phản ánh, biểu đạt, ánh xạ thực tại, tư duy” [7, Tr. 61]. Nghĩa của từ là một phức thể gồm nhiều thành phần. Nguyễn Thiện Giáp [9] liệt kê các thành tố ý nghĩa của từ bao gồm: ý nghĩa sở chỉ, ý nghĩa sở biểu, ý nghĩa sở dụng và ý nghĩa cấu trúc. Các tác giả Đỗ Hữu Châu [3], Mai Ngọc Chừ [8] xem trong từ có hai loại ý nghĩa lớn là ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, trong đó ý nghĩa từ vựng được xác định có những thành phần ý nghĩa sau: ý nghĩa biểu vật, ý nghĩa biểu niệm và ý nghĩa biểu thái.

2.2. Giá trị biểu cảm của từ vựng

Giá trị biểu cảm của từ là một trong số các thành phần ý nghĩa có trong từ. Giá trị biểu cảm của từ đã được nghiên cứu từ lâu dưới những tên gọi, thuật ngữ khác nhau. Trong ngôn ngữ học truyền thống, khi phân tích các thành tố trong nghĩa của từ, Nguyễn Thiện Giáp [9] cho rằng ý nghĩa sở dụng là thành phần thể hiện “quan hệ của từ với người sử dụng”, đây là thành phần nghĩa bộc lộ thái độ, cảm xúc của người sử dụng ngôn ngữ với từ ngữ và qua đó tới cái sở chỉ và cái sở biểu của từ ngữ [9, Tr. 127]. Thành phần ý nghĩa này được Đỗ Hữu Châu [3], Mai Ngọc Chừ [8] gọi là nghĩa biểu thái. Đây là phần ý nghĩa của từ liên quan đến thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người nói đối với đối tượng được nói đến hay đối với người nghe và được xem là một trong những đối tượng nghiên cứu chính của ngành Phong cách học. Trong Phong cách học, màu sắc tu từ là một khái niệm cơ bản. Màu sắc tu từ chính là ý nghĩa bổ sung của hình thức biểu đạt cùng nghĩa. Màu sắc tu từ là “khái niệm phong cách học chỉ phần tin riêng mang tính chất bổ sung của hình thức biểu đạt cùng nghĩa. Phần tin này một mặt chỉ rõ thái độ đánh giá tình cảm với đối tượng được nói đến, một mặt chỉ rõ giá trị sử dụng trong phong cách ngôn ngữ chức năng ngôn ngữ của hình thức biểu đạt cùng nghĩa.” [1, Tr. 25] Màu sắc tu từ được chia thành hai loại, trong đó sắc thái biểu cảm: là phần thông tin bổ sung thể hiện thái độ, tình cảm, cách đánh giá, cách quan niệm của người nói, người viết về đối tượng

trong một hình thức biểu đạt. Tác giả Cù Đình Tú [1] chia sắc thái biểu cảm của một hình thức biểu đạt làm 3 mức độ: sắc thái biểu cảm dương tính, sắc thái biểu cảm trung hòa, sắc thái âm tính.

2.3. Phân tích diễn ngôn phê phán và giá trị biểu cảm của từ vựng trong Phân tích diễn ngôn phê phán

Phân tích diễn ngôn phê phán là một đường hướng phát triển từ phân tích diễn ngôn giúp thể hiện các mối quan hệ xã hội và hệ tư tưởng của người phát ngôn, thừa nhận vai trò của ngôn ngữ trong cơ cấu quan hệ quyền lực trong xã hội. Phân tích diễn ngôn phê phán nhận diện và phân tích diễn ngôn trong khung ba chiều kích Fairclough đó là cấp độ văn bản, cấp độ thực hành diễn ngôn và diễn ngôn được xem là một dạng thực tiễn xã hội (Fairclough, 1989). Tương ứng với ba chiều kích của diễn ngôn là ba giai đoạn của phân tích diễn ngôn phê phán, gồm: Miêu tả, Hiểu, Giải thích. Trong đó, bước miêu tả phân tích các đặc điểm ngôn ngữ của văn bản. Fairclough [10] nhận định rằng cần phân tích đặc điểm ngôn ngữ của diễn ngôn dựa trên 3 siêu chức năng ngôn ngữ theo Lí thuyết Ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday [5]. Phân tích diễn ngôn ở cấp độ văn bản, tương ứng với giai đoạn Miêu tả diễn ngôn chính là làm rõ các giá trị kinh nghiệm, giá trị quan hệ, giá trị biểu cảm của các yếu tố ngôn ngữ trong diễn ngôn. Giá trị kinh nghiệm được kết nối với thế giới quan của người tạo lập diễn ngôn. Giá trị quan hệ được liên kết với mối quan hệ xã hội giữa người tạo lập văn bản và những người tham gia được tạo ra và duy trì trong diễn ngôn. Giá trị biểu cảm liên quan đến cách người tạo lập văn bản đánh giá những gì đang được thảo luận, tức giá trị đánh giá của diễn ngôn. Fairclough [10] xây dựng một hệ thống gồm mười câu hỏi để làm rõ đặc điểm ngôn ngữ diễn ngôn qua việc trả lời câu hỏi về giá trị kinh nghiệm, giá trị quan hệ, giá trị biểu cảm của hệ thống từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc diễn ngôn.

Giá trị biểu cảm của từ ngữ là biểu hiện và gợi ý cho sự đánh giá của người tạo lập văn bản về hiện thực xã hội, và do đó liên quan đến chủ thể và bản sắc. Giá trị biểu cảm thể hiện tình cảm, thái độ, cách nhìn nhận, đánh giá của chủ thể phát ngôn đối với đối tượng được nói đến hoặc với người nghe. “Giá trị biểu cảm của từ ngữ luôn là mối quan tâm trung tâm của những người quan tâm đến ngôn ngữ thuyết phục” [10, Tr. 99]. Giá trị biểu cảm của từ ngữ liên quan đến sự đánh giá tích cực/tiêu cực của người nói đối với đối tượng biểu đạt. Phân tích giá trị biểu cảm của từ ngữ trong phân tích diễn ngôn phê phán có ý nghĩa làm rõ mối quan hệ liên nhân giữa người phát ngôn và người tiếp nhận diễn ngôn. Fairclough cũng nhấn mạnh rằng giữa các loại diễn ngôn có sự khác biệt về giá trị biểu cảm của từ ngữ, và điều này có ý nghĩa về mặt tư tưởng.

2.4. Diễn ngôn báo chí và tính biểu cảm trong ngôn ngữ báo chí

Diễn ngôn báo chí là sản phẩm của quá trình giao tiếp báo chí. Sự giao tiếp trong báo chí là một quy trình với bốn yếu tố: người phát tin (nhà báo), sự kiện, phương tiện ngôn ngữ và

người nhận tin (người đọc). Mục đích giao tiếp của diễn ngôn báo chí là thông tin về tin tức, qua đó gián tiếp tác động tới độc giả làm thay đổi nhận thức, thái độ của họ về thời cuộc, về lối sống, cách sống... Phương tiện để tạo thành diễn ngôn báo chí chính là ngôn ngữ. Ngôn ngữ trong báo chí là sự hòa kết của ba tiểu chức năng cơ bản: chức năng thông tin, chức năng tác động, chức năng liên nhân. Thông tin là những nội dung cụ thể, là điều mà nguồn, người gửi (tòa soạn, nhà báo) gửi gắm trong thông điệp (bài báo) chuyển đến đích, người nhận (độc giả) với mong muốn thực hiện việc tác động. Theo Đinh Kiều Châu (2016) qua thông tin, ngôn ngữ báo chí thực hiện chức năng tác động có chủ đích, làm cho đối tượng đích có những thay đổi trong nhận thức (biết, hiểu, tin tưởng) dẫn đến thay đổi trong hành vi (hành động theo định hướng của nguồn). Còn liên nhân là khả năng tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa nguồn và đích nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp. Điều này thể hiện qua các chiến lược giao tiếp bằng ngôn từ gắn với văn hóa, tâm lí, thói quen của từng nhóm đối tượng đích, của các cộng đồng cụ thể. Để thông tin cung cấp trở nên sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và dễ tiếp thu hơn đối với độc giả, người làm báo thường sử dụng một số thủ pháp nhằm tăng cường tính biểu cảm cho ngôn ngữ báo chí, có thể chia thành một số loại chính như dùng từ ngữ hội thoại, dùng từ ngữ vay mượn từ tiếng nước ngoài, dùng từ ngữ địa phương, sử dụng chất liệu văn học, sử dụng thành ngữ, tục ngữ, danh ngôn... cùng các biến thể của chúng, dùng dấu câu, dùng ẩn dụ, nói dựa, trích dẫn (Hoàng Anh, 2003). Giá trị biểu cảm của các yếu tố ngôn ngữ nói chung và của từ ngữ nói riêng trong diễn ngôn báo chí phản ánh cách nhìn nhận đánh giá của người viết đồng thời có ý nghĩa tăng tính tác động đến nhận thức, tình cảm của người đọc.

Bài báo này tìm hiểu giá trị biểu cảm của từ ngữ trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo Phụ nữ Việt Nam năm 2021 theo quan điểm của lí thuyết Phân tích diễn ngôn phê phán do Fairclough [10] đề xuất.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập ngữ liệu

Đối tượng nghiên cứu của bài báo là giá trị biểu cảm của từ vựng trong 350 diễn ngôn viết về nữ giới từ 157 số báo *Phụ nữ Việt Nam* được phát hành trong năm 2021. Các bước lựa chọn và thu thập ngữ liệu khảo sát gồm tập hợp các số báo *Phụ nữ Việt Nam* năm 2021, lựa chọn các diễn ngôn đưa tin về nhân vật nữ hay các vấn đề liên quan đến phụ nữ.

3.2. Phương pháp phân tích ngữ liệu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích diễn ngôn theo đường hướng Phân tích diễn ngôn phê phán, trên cơ sở mô hình phân tích diễn ngôn phê phán ba chiều kích của Fairclough [10]; phương pháp định tính (phân tích diễn ngôn) để làm rõ đặc điểm nghĩa biểu cảm của từ vựng trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo Phụ nữ Việt Nam năm 2021.

Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp phổ biến trong nghiên cứu nghĩa của từ là phương pháp phân tích ngữ cảnh để xác định ý nghĩa biểu cảm của từ vựng có trong diễn ngôn.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Fairclough [10] cho rằng các đặc điểm hình thức có thể có đồng thời hai hoặc ba giá trị trong số các giá trị kinh nghiệm, liên nhân, biểu cảm. Tính biểu cảm chứa đựng trong các yếu tố từ ngữ là một phần trong các giá trị của từ. Khi chỉ ra giá trị biểu cảm của từ ngữ, Fairclough [10] tập trung phân tích giá trị đánh giá tích cực hay tiêu cực của các từ ngữ được sử dụng trong diễn ngôn. Giá trị biểu cảm liên quan đến sự đánh giá tích cực hay tiêu cực về đối tượng được đề cập. Trong nguồn 350 diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo Phụ nữ Việt Nam năm 2021, các từ ngữ mang giá trị biểu cảm, thể hiện sự đánh giá của người nói đối với nhân vật nữ hoặc những vấn đề liên quan đến phụ nữ gồm có từ ngữ có hàm ý đánh giá, từ ngữ chỉ cảm xúc kết hợp với từ chỉ mức độ cao, dẫn ngữ và khẩu ngữ. Các từ ngữ này vừa thể hiện thái độ đánh giá của chủ thể với đối tượng vừa giàu giá trị biểu đạt.

4.1. Từ ngữ có hàm ý đánh giá

Để tăng cường hiệu quả biểu đạt, người tạo lập diễn ngôn sử dụng những từ ngữ biểu cảm chứa đựng trong đó hàm ý đánh giá. Trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo *Phụ nữ Việt Nam* số ra năm 2021, người viết báo đã sử dụng một số từ ngữ thể hiện thái độ đánh giá tích cực và tiêu cực đối với đối tượng đề cập là nhân vật nữ hoặc các vấn đề liên quan đến nữ giới. Trong 350 diễn ngôn được khảo sát, có 65 trường hợp từ ngữ có hàm ý đánh giá tích cực và 7 trường hợp có ý đánh giá tiêu cực.

Những từ ngữ biểu cảm mang hàm ý đánh giá tích cực được sử dụng trong các diễn ngôn đưa tin về nhân vật nữ tiêu biểu, điển hình trong các lĩnh vực, hoặc tin tức về các hoạt động, sự kiện nổi bật của phụ nữ. Ví dụ:

- *Chị được nhiều người biết đến không chỉ là điển hình làm kinh tế giỏi mà còn là người có **trái tim ấm áp** vì cộng đồng. (Số 67, ngày 04/6/2021).*

- *Những người phụ nữ đã sống một cuộc sống đầy ý nghĩa với **những cống hiến đẹp đẽ** của mình. (Số 152, ngày 20/12/2021).*

- *Dù nghỉ ở nhà nhưng họ vẫn tràn đầy **nhật huyết**, luôn sẵn sàng tâm thế khi quay trở lại làm việc. (Số 126, 20/10/2021).*

- *Bà Cao Thị Ngọc Dung đã dẫn dắt và lan tỏa **những năng lượng tích cực** cho hội viên, giúp họ có tâm an, trí sáng, sức khỏe tốt để sẵn sàng tâm thế đối diện với khủng hoảng, bình tĩnh vượt qua khó khăn (Số 126, 20/10/2021).*

- Các chị là **“ngọn lửa” truyền hơi ấm** cho cả thế hệ thông qua các lễ trao giải thưởng, là nguồn cảm hứng cho người nghiên cứu khoa học là nữ. (Số 28, ngày 05/3/2021).

- Thương vẫn được khen là người mạnh mẽ, sức chịu đựng thuộc hàng **“tim thép”**. (Số 119, ngày 04/10/2021).

- Á hậu Kim Duyên với Miss Universe 2021: **Áp lực và ước mơ tỏa sáng**. (Số 137, ngày 15/11/2021).

- Mẹ là **điều tuyệt vời nhất em có được trong cuộc đời**. (Số 126, ngày 20/10/2021).

- Những bữa cơm được đổi món liên tục và ngon như cơm nhà vì được nấu bằng **tình cảm yêu thương, trách nhiệm**. (Số 377, ngày 28/6/2021).

- Các nhà khoa học nữ luôn đầy ắp **kho báu trí tuệ**. (Số 28, ngày 05/3/2021).

Ngữ cảnh sử dụng của các từ ngữ này là đưa tin về ưu điểm, thành quả mà phụ nữ đạt được đến với độc giả, qua đó góp phần tôn vinh, khẳng định vị trí người phụ nữ trong xã hội hiện đại. Với nội dung, mục đích giao tiếp như vậy, người viết lựa chọn sử dụng những từ ngữ mang tính biểu cảm cao kèm với hàm ý đánh giá tích cực như trân trọng, ngợi ca, tôn vinh. Các từ ngữ **hiệt huyết, năng lượng tích cực, ngọn lửa truyền hơi ấm, ước mơ, tim thép, điều tuyệt vời, trái tim ấm áp, kho báu trí tuệ...** biểu thị những tính cách, phẩm chất, giá trị tốt đẹp của người phụ nữ, mang hàm ý ngợi ca, tôn xưng, trân quý đối với nhân vật được nói đến. Chẳng hạn, diễn ngôn **“Tôi làm để vui, để các dì cùng có việc làm”** (Số 67, ngày 04/6/2021), đưa tin về chị Nguyễn Thị Phúc thành công với nghề trồng nấm, đồng thời cơ sở trồng nấm của chị đã giúp đỡ cho nhiều phụ nữ khác có việc làm, nhà báo đã dùng từ ngữ biểu cảm **“trái tim ấm áp”** để nói đến tấm lòng của chị dành cho cộng đồng. Với hàm ý đánh giá tích cực cụm từ **“trái tim ấm áp”** tạo hiệu quả diễn đạt hấp dẫn, có ý nghĩa khẳng định, tôn vinh giá trị tốt đẹp của nhân vật.

Không chỉ sử dụng danh từ, cụm danh từ, người viết báo khi đưa tin về nữ giới cũng có sự lựa chọn các động từ có ý đánh giá tích cực đối với hành động, việc làm của nhân vật đang được đưa tin.

- Với kinh nghiệm có được, chị sẽ **“truyền lửa”** cho các đồng đội nữ về kinh nghiệm sống, cách đối phó với thời tiết khắc nghiệt ở Nam Sudan. (Số 36, ngày 24/3/2021).

- Điều gì khiến chị **đốc sức** cho sản phẩm âm nhạc này đến vậy? (Số 156, ngày 29/12/2021).

- Từ ý chí và quyết tâm, chị Nguyễn Thụy Hà Vy đã **“thổi luồng gió mới”** cho món ăn vặt được yêu thích này. (Số 141, ngày 24/11/2021).

- Con thứ hai học xong đại học ngành kế toán và đã có việc làm ổn định, còn con út đang học lớp 12. Đó chính là “tài sản” quý giá nhất mà chị có được sau bao năm vất vả “vun trồng”. (Số 69, ngày 09/6/2021).

Trong tin bài về nữ giới, người phụ nữ được đề cập nhiều lần, để tạo sức hấp dẫn cho diễn đạt, tránh lặp từ nhàm chán, đơn điệu trong ngôn từ bài viết, tăng tính biểu cảm, người viết bài sử dụng các từ ngữ khác nhau để chỉ đối tượng là phụ nữ, chẳng hạn: *Lan tỏa mô hình kinh doanh và niềm đam mê khởi nghiệp đến các chị em*. (Số 1, ngày 01/01/2021). Từ *chị em* thường được sử dụng để chỉ tập thể phụ nữ cùng một tổ chức, thường chỉ các hội viên trong Hội Liên hiệp phụ nữ hoặc để chỉ phụ nữ nói chung. Việc sử dụng từ “*chị em*” có giá trị biểu cảm ở chỗ tạo sự gần gũi, gắn kết, thân thiết. Ở một số diễn ngôn, chủ thể tạo lập diễn ngôn sử dụng từ “*bóng hồng*” để chỉ người phụ nữ nhằm mục đích tạo sức hấp dẫn trong diễn đạt đồng thời thể hiện hàm ý đánh giá tích cực, ngợi ca vẻ đẹp của người phụ nữ: 12 “*bóng hồng*” *mũ nổi xanh* (Số 36, ngày 24/3/2021); “*bóng hồng*” *kovalevskaia 2 thế hệ: Chung và riêng* (Số 28, ngày 05/3/2021). Từ “*bóng hồng*” có ý nghĩa vừa định danh người phụ nữ vừa đề cao, tôn vinh không chỉ là vẻ đẹp hình thể mà còn là vẻ đẹp về tinh thần của các bác sĩ quân y và vẻ đẹp trí tuệ của các nhà khoa học nữ. Hệ thống từ ngữ với sắc thái đánh giá tích cực có giá trị tôn vinh, khẳng định vị trí của người phụ nữ trong xã hội hiện nay, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới.

Ở một số diễn ngôn, người viết sử dụng từ ngữ hàm chứa thái độ đánh giá tiêu cực qua từ ngữ sử dụng, chẳng hạn: *Bắt giữ “bà trùm” 75 tuổi cầm đầu đường dây ma túy ở Thái Bình* (Số 8, ngày 18/01/2021), “*Nữ quái*” *cầm đầu đường dây lô đề giao dịch gần 1.200 tỷ đồng* (Số 63 ngày 26/5/2021). Số lượng từ ngữ mang hàm ý đánh giá tiêu cực không nhiều, chỉ 7 trường hợp. Ngữ cảnh sử dụng của những từ ngữ này là diễn ngôn đưa tin thuộc chuyên mục pháp luật, đưa tin về các vụ án, trong đó thủ phạm là phụ nữ. Từ ngữ hàm ý đánh giá tiêu cực thể hiện thái độ lên án đối với việc làm sai trái mà đối tượng đã thực hiện. Một số diễn ngôn là lời tự thuật của người trong cuộc, tự nhân vật kể về câu chuyện của cá nhân. Từ góc độ của người nói tự trình bày câu chuyện của mình, nhân vật sử dụng từ ngữ thể hiện thái độ không hài lòng với đối tượng nói đến: *Chị vợ cũ không về được thì họ liên tục gọi video call để chia sẻ với chị ta mâm cơm của gia đình*. (Số 76, ngày 25/6/2021).

4.2. Từ ngữ biểu thị cảm xúc kết hợp từ chỉ mức độ cao

Giá trị biểu cảm của từ ngữ trong diễn ngôn báo chí còn thể hiện ở lớp từ ngữ giàu biểu cảm, đó là các động từ, tính từ miêu tả cảm xúc, trạng thái tinh thần của đối tượng. Trong 350 diễn ngôn viết về nữ giới trên báo Phụ nữ năm 2021, những từ ngữ biểu thị cảm xúc kết hợp với từ chỉ mức độ cao được sử dụng tương đối nhiều với 124 trường hợp. Chẳng hạn:

- *Cặp vợ chồng lớn tuổi này đã làm Ốc Thanh Vân hết sức nể phục*. (Số 74, ngày 21/6/2021).

- *Chuyện họ quen nhau, yêu nhau, đến với nhau, cùng với sự hy sinh **đây xúc động** đã khiến không chỉ người dân làng Hạ Kiều mà cả xã Khánh Vĩnh Yên phải thán phục, thương cảm.* (Số 89, ngày 26/7/2021).

- *Giọng nói của người phụ nữ gọi cho Thanh Tâm **đây khổ sở, sợ sệt**.* (Số 55, ngày 07/5/2021).

- *Để đi đến quyết định này, cô **vật vã khổ sở vô cùng** vì nó trái với lòng cô.*

- *Em **hoàn toàn thất vọng** khi chồng nói:...* (Số 77, ngày 28/6/2021).

- *Nghe tiếng thốn thức của cô gái, Thanh Tâm **vô cùng thương cảm**.* (Số 28, ngày 05/3/2021).

Các từ ngữ đều ở mức cao của thang độ cảm xúc (*nể phục, xúc động, khổ sở, sợ sệt, kiệt quệ, thất vọng, thương cảm*) thường được kết hợp với từ chỉ mức độ cao như: *đây, hết sức, vô cùng* giúp tăng cường hiệu quả biểu cảm, thể hiện cảm xúc mạnh của người nói. Các từ ngữ bộc lộ cảm xúc kết hợp với từ chỉ mức độ cao trực tiếp bày tỏ cảm xúc của người tạo lập diễn ngôn đối với nhân vật nữ hoặc vấn đề liên quan đang được đề cập. Tùy thuộc vào từ ngữ bày tỏ cảm xúc có tính tích cực hay tiêu cực để tăng cường mức độ biểu cảm cũng như thái độ của người nói đối với đối tượng.

4.3. *Dẫn ngữ (thành ngữ, tục ngữ, danh ngôn...)*

Một trong những phương tiện từ ngữ giàu giá trị biểu cảm có trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo *Phụ nữ Việt Nam* số ra năm 2021 được khảo sát là các dẫn ngữ. Để tăng tính hấp dẫn và biểu cảm cho sự diễn đạt, giúp ngôn ngữ thông tin đến độc giả một cách sinh động, lôi cuốn hơn, người viết báo sử dụng thành ngữ, tục ngữ trong diễn ngôn. Có 71 trường hợp sử dụng dẫn ngữ để tạo giá trị biểu cảm, tăng cường hiệu quả diễn đạt trong 350 diễn ngôn được khảo sát. Ví dụ:

- *Diễn viên Thảo Trang **tâm đầu ý hợp** với người chồng kém 8 tuổi.* (Số 21, ngày 17/02/2021).

- *Quãng thời gian tạm đóng cửa vì dịch, nhìn đơn hàng gửi về mà chị "**lực bất tòng tâm**".* (Số 84, ngày 14/7/2021).

- *Chỉ cần cô khiến anh không hài lòng, cô lại bị anh ta "**thượng cẳng chân, hạ cẳng tay**".* (Số 69, ngày 09/6/2021).

- *Cuộc sống chật vật với nỗi lo "**com áo gạo tiền**".* (Số 127, ngày 22/10/2021).

- *Mẹ đảm đang việc nhà việc nước bao nhiêu thì "**dâu vàng dâu bạc**" của mẹ lại vụng về, chậm chạp bấy nhiêu.* (Số 77, ngày 28/6/2021).

- Anh đã cố "**nhắm mắt, bịt tai**" để duy trì cuộc hôn nhân, để giữ hoà khí vợ chồng nhưng càng ngày cô càng "**thể hiện quá**". (Số 95, ngày 09/8/2021).

Đa phần các thành ngữ thuộc khẩu ngữ, được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày. Sử dụng thành ngữ, tục ngữ hay dẫn ngữ nói chung nâng cao hiệu lực biểu đạt tư tưởng, tình cảm và tăng sức hấp dẫn, thuyết phục. Các dẫn ngữ trong diễn ngôn khảo sát có dẫn nguyên văn và dẫn không nguyên văn. Dẫn ngữ không nguyên văn có sự thay đổi thêm bớt ngôn từ cho phù hợp với nội dung thông tin, chẳng hạn: *Khó đảm bảo "Giỏi làm phim – Đảm việc nhà"* (Số 127 ngày 22/10/2021).

4.4. Khẩu ngữ

Phong cách ngôn ngữ báo chí thuộc hình thức giao tiếp mang tính nghi thức xã hội, đòi hỏi tính lịch sự, trang trọng, song việc sử dụng từ khẩu ngữ một cách phù hợp, khéo léo có hiệu quả tăng tính biểu cảm cho bài viết. Khẩu ngữ có tính cụ thể, sinh động, giàu hình tượng và sắc thái tình cảm, thể hiện rõ thái độ đánh giá của người nói đối với đối tượng đề cập. Trong số các diễn ngôn báo chí viết về phụ nữ trên báo *Phụ nữ Việt Nam* năm 2021 được khảo sát, có một số diễn ngôn sử dụng nhiều từ ngữ khẩu ngữ. Chẳng hạn: *Mình thì chỉ nghĩ đến việc nấu món gì, mấy người ăn thôi là đã toát mồ hôi hột* (Số 77, ngày 28/6/2021). Sử dụng từ ngữ thuộc phong cách khẩu ngữ "toát mồ hôi hột" làm tăng tính biểu cảm, giúp sự diễn đạt trở nên sinh động, cụ thể hơn. Hay trường hợp, *Mọi việc gia đình đều do một tay "chị đại" Hồng đảm trách* (Số 36, ngày 24/3/2021). Từ "chị đại" làm câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn hơn đồng thời thể hiện thái độ phê phán đối với nhân vật được đề cập.

Ở trường hợp sau đây, từ ngữ khẩu ngữ được sử dụng tần suất dày đặc trong đoạn văn: *Hậu quả từ "kiếm chuyện làm quà"... sau khi "cãi vã ồm tỏi", Điều sẽ dùng câu chuyện đó để "đi buôn" khắp nơi... Lúc đâu, chị Thư không hiểu mọi người đang nói về chuyện gì nhưng khi nghe rõ đầu đuôi, chị đã nổi "con tam bành" và tìm Điều để "tính số". Kết quả công việc của Điều cũng thuộc dạng... "đội số". Điều cũng đang phải nhận "quả báo" bởi sau những "phốt" dựng chuyện của cô* (Số 9, ngày 20/01/2021). Từ ngữ thuộc phong cách khẩu ngữ trong đoạn trích trên mang màu sắc suồng sã của lời ăn tiếng nói hằng ngày, thể hiện rõ thái độ đánh giá tiêu cực, không đồng tình, phê phán đối với việc làm và nhân vật đang được đề cập.

5. Kết luận và đề xuất

Trên cơ sở lí thuyết và phương pháp nghiên cứu của Phân tích diễn ngôn phê phán và nghiên cứu từ vựng ngữ nghĩa, bài viết đã làm sáng tỏ các giá trị biểu cảm của từ ngữ trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo *Phụ nữ Việt Nam* năm 2021 thông qua việc phân tích các nhóm từ ngữ giàu màu sắc biểu cảm, gồm từ ngữ có hàm ý đánh giá, từ ngữ chỉ cảm xúc kết hợp với từ chỉ mức độ cao, dẫn ngữ và khẩu ngữ. Cả bốn nhóm từ ngữ đều chứa đựng hàm ý đánh giá tích cực hay tiêu cực đối với nội dung trình bày và đối tượng được nói đến. Hệ

thống từ ngữ giàu tính biểu cảm tạo ra hiệu quả diễn đạt cao, giúp nội dung thông tin đến với người đọc một cách hấp dẫn và ấn tượng, từ đó tác động sâu sắc hơn đến nhận thức, tư duy của người đọc.

Qua việc nghiên cứu giá trị biểu cảm của từ vựng trong diễn ngôn báo chí viết về nữ giới trên báo Phụ nữ Việt Nam năm 2021, bài viết đưa ra một số đề xuất. Đối với người làm báo, cần sử dụng các yếu tố biểu cảm của từ ngữ một cách phù hợp để tăng sức biểu cảm và lôi cuốn người đọc, từ đó tác động đến nhận thức, tình cảm của người đọc; lựa chọn từ ngữ biểu cảm có hàm ý đánh giá phù hợp với nội dung và ngữ cảnh của bài viết, cần có sự kết hợp hài hòa tính biểu cảm của từ ngữ với các giá trị khác trong từ ngữ như giá trị kinh nghiệm, giá trị liên nhân. Trong việc dạy học ngôn ngữ, người dạy cần lưu ý đến ý nghĩa biểu cảm của từ ngữ. Việc sử dụng từ ngữ sao cho đúng nội dung diễn đạt là điều cần thiết và sử dụng sao cho hay (phù hợp với đối tượng giao tiếp, hấp dẫn và có giá trị biểu đạt cao) lại càng cần thiết hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cù Đình Tú (2007). *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*. NXB Giáo dục, HN.
2. Đinh Kiều Châu (2016). *Ngôn ngữ truyền thông và tiếp thị Góc nhìn từ lí luận đến thực tiễn tiếng Việt*. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, HN.
3. Đỗ Hữu Châu (1981). *Từ Vựng-Ngữ Nghĩa Tiếng Việt*. NXB Giáo Dục, HN.
4. Đỗ Thị Xuân Dung (2014). Vấn đề sử dụng từ ngữ của khẩu hiệu chính trị-xã hội tiếng Việt nhìn từ góc độ lí thuyết phân tích diễn ngôn phê phán. *Tạp chí Ngôn ngữ*, Số 6 (224), Tr. 47-56.
5. Halliday M.A.K. (2014). *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*. Hoàng Văn Vân dịch từ tiếng Anh, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
6. Hoàng Anh (2003). “Một số thủ pháp nhằm tăng cường tính biểu cảm trong ngôn ngữ báo chí”, in trong *Một số vấn đề sử dụng ngôn từ trên báo chí*, NXB Lao động, HN.
7. Lê Quang Thiêm (2004). *Nghiên cứu đôi chiều các ngôn ngữ*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, HN.
8. Mai Ngọc Chừ; Vũ Đức Nghiệu & Hoàng Trọng Phiến (2011). *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*. NXB Giáo dục, HN.
9. Nguyễn Thiện Giáp (1998). *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, HN.
10. Fairclough, N. (1989). *Language and power*. Longman, London.

11. Van Dijk, Teun A. (1993) 'Principles of critical discourse analysis', *Discourse & Society*, 4 (2): 249–83.